TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 239/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v: Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Nam Phước
2. Bà Tào Thị Bích Thủy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương – Thư ký TAND huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về "Yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1990; trú tại thôn T-S-Đ, xã DH, huyện DX, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị B, Luật sư Nguyễn Thành C, là Luật sư thuộc Công ty luật TNHH TT, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1991; trú tại thôn XĐ, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện viết ngày 14 tháng 4 năm 2023, Văn bản trình bày ý kiến ngày 16/5/2023 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà và ông Phạm Hữu N thống nhất thuận tình ly hôn theo Quyết định số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

Theo Quyết định bà được nuôi con chung là cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2016. Bà trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con sau ly hôn, Ông Phạm Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.200.000

đồng. Nhưng do nhu cầu sinh hoạt của cháu Đạt ngày càng cao, giá sinh hoạt tăng lên nên mức cấp dưỡng 2.200.000 đồng, không còn phù hợp, đồng thời con bà bị viêm da cơ địa nặng, tái phát thường xuyên và không chữa trị dứt điểm được, nên cần chi phí khám chữa bệnh thường xuyên. Chi phí hàng tháng cho cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ ước tính 10.000.000 đồng/tháng. Lương của N có mức thu nhập thường xuyên và ổn định từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng/tháng

Do đó B yêu cầu Tòa án buộc N thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ từ 2.200.000 đồng/tháng lên mức 4.500.000 đồng/tháng để đảm bảo quyền lợi cho con bà.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 5 năm 2023 và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Hữu N trình bày: Ông không đồng ý với yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con ông là Phạm Nguyễn Hữu Đ, từ mức 2.200.000 đồng/tháng, lên mức 4.500.000 đồng/tháng, vì lương ông chỉ có 9.500.000 đồng/tháng theo mức lương hiện tại, ông còn phải góp phần phụng dưỡng ba mẹ già yếu, bệnh tật, không lao động được. Hơn nữa việc nuôi con là trách nhiệm của ông và bà Nguyễn Thị B, chứ không phải của riêng ông. Mặc khác nữa ông còn phải chi phí cho việc ăn ở, đi lại và nhiều việc khác trong cuộc sống . Hiện tại cuộc sống ông còn khó khăn nhưng ông chấp nhận thay đổi mức cấp dưỡng từ 2.200.000 đồng/ tháng lên mức 3.000.000/tháng cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn:

Trình bày của bà Nguyễn Thị B là đúng với hoàn cảnh thực tế, hiện tại bà Nguyễn Thị B đang nuôi cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ ăn học tại thành phố Hội An, nên chi phí sinh hoạt cao, hơn nữa cháu Đ bị bệnh viêm da cơ địa, phải chữa trị ở nhiều nơi, nhiều lần, chi phí đi lại tốn kém. Do đó mức cấp dưỡng 2.200.000 đồng/tháng cách đây 5 năm không còn phù hợp, Luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của B về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ, từ mức 2.200.000 đồng /tháng lên mức 4.500.000 đồng/ tháng.

Nếu không đồng ý với yêu cầu trên thì mức ít nhất phải là 3.700.000 đồng /tháng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử: thành phần HĐXX phiên tòa sơ thẩm được tiến hành đúng thời gian địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn bà Nguyễn Thị B thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 186, 189, 190 BLTTDS 2015.

Người tham gia tố tụng là bị đơn ông Phạm Hữu N thực hiện đầy đủ quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Từ những chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B buộc ông Phạm Hữu N thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ từ 2.200.000đồng/tháng lên mức 4.400.000đồng/tháng cho đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Hữu N thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ từ 2.200.000 đồng/tháng lên mức 4.500.000 đồng/tháng với lý do thay đổi như B nêu trên và mức lương N tổng thu nhập từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng/tháng.

Theo Công văn số 2907/PCCC& CNCH của, Phòng cảnh sát PCCC CNCH, Công an tỉnh Quảng Nam ngày 28/8/2023, trả lời công văn số 118 /CV- TA ngày 18/8/2023 của Tòa án Đ, thì bản lương của ông Phạm Hữu N có hệ số lương là 5.4, lương cơ bản là 9.720.000 đồng, thâm niên 1.166.400 đồng, phụ cấp còn lại 2.430.000 đồng, sau khi khấu trừ, thu nhập còn lại 12.421.534 đồng.

Xét yêu cầu nêu trên của bà Nguyễn Thị B thì thấy trách nhiệm nuôi con là kể cả cha và mẹ , người không trực tiếp nuôi con phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con, do mức thu nhập của N hiện nay chỉ có 12.421.534 đồng. Chi phí hiên sinh hoạt và đi lại hiện nay là khá lớn so với mức thu nhập của ông N, ông N còn có nghĩa vụ trợ cấp một phần cho cha mẹ già yếu bị bệnh nặng. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị B buộc ông N thay đổi mức cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ từ 2.200.000 đồng/tháng lên mức 3.500.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà B không phải chịu án phí, ông N phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 147, 203, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 82 ,83, 84,110, 116 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B,tuyên xử: Buộc ông Phạm Hữu N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Hữu Đ (sinh ngày 24 tháng 01 năm 2016) mỗi tháng là 3.500.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản, khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Phạm Hữu N phải chịu án phí về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam*
- *VKSND huyện Đ*
- *THADS huyện Đ*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Triệu